

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10/6/2022

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC – TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Thành Phước

Bà Đỗ Thị Thúy Diễm

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thảo – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Trong ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc mở phiên tòa công khai xét xử vụ án hôn nhân đã thụ lý số: 172/2021/TLST - HN ngày 12/10/2021 về việc: “*Xin ly hôn*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2022/QĐXXST-HN ngày 09/5/2022. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn Phan Thị L, sinh năm 1973 (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Q, xã H, huyện L, tỉnh Bến Tre

Bị đơn Triệu Thanh H1, sinh năm 1969 (vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: ấp T, xã T1, huyện B, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/10/2021 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phan Thị L trình bày:

Bà Phan Thị L và ông Triệu Thanh H1 thông qua mai mối đã tìm hiểu tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 12/7/2000 tại UBND xã T1, huyện B, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu bà L và ông H1 chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến đầu năm 2021 đã xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không được hạnh phúc nên không thể tiếp tục hoà hợp được với nhau. Nay bà L xin được ly hôn với ông H1.

Về con chung: Có 02 con chung Triệu Bích C, sinh ngày 19/6/2000 và Triệu Thị Bích Đ, sinh ngày 30/4/2003. 02 con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà L yêu cầu tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Triệu Thanh H1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:

Ông Triệu Thanh H1 thống nhất với bà Phan Thị L về thời gian kết hôn, điều kiện

kết hôn, thời gian chung sống với nhau. Tuy nhiên, về những mâu thuẫn thì ông H1 cho rằng không có gì lớn, ông không đồng ý ly hôn với bà L.

Về con chung: Có 02 con chung Triệu Bích C, sinh ngày 19/6/2000 và Triệu Thị Bích Đ, sinh ngày 30/4/2003. Vì 02 con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Có 5000m² đất (do con ông đứng tên), bàn ghế, chén đĩa, xoong nồi để bà L quản lý, ông H1 quản lý ngôi nhà. Đối với tài sản ông sẽ làm đơn khởi kiện sau.

Nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN;

Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Phan Thị L yêu cầu xin ly hôn với ông Triệu Thanh H1 nên căn cứ vào điều 51 Luật hôn nhân gia đình xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn”.

[2] Thẩm quyền xét xử: Theo xác nhận ngày 04/10/2022 của Công an xã T đã xác nhận ông Triệu Thanh H1 hiện đang sinh sống tại xã T1, huyện B, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

[3] Nội dung vụ án:

Bà Phan Thị L và ông Triệu Thanh H1 do mai mối nhưng cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào năm 2000 tại UBND xã T1, huyện B, tỉnh Bến Tre. Như vậy, hôn nhân của bà Phan Thị L và ông Triệu Thanh H1 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Phan Thị L, bà L cho rằng nguyên nhân vợ chồng mất hạnh phúc là do có nhiều bất đồng quan điểm và mâu thuẫn xảy ra vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Riêng ông Triệu Thanh H1 cho rằng mâu thuẫn không có gì lớn nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án đến khi mở phiên tòa cả hai vẫn không có hướng hàn gắn để quay trở về đoàn tụ chung sống. Trong các lần mở phiên tòa ông H1 đều vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa bà Phan Thị L và ông Triệu Thanh H1 không khắc phục được, mục đích hôn nhân giữa ông bà không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị L là có căn cứ.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Phan Thị L và ông Triệu Thanh H1 có 02 con chung Triệu Bích C, sinh ngày 19/6/2000 và Triệu Thị Bích Đ, sinh ngày 30/4/2003. Xét thấy, hai con chung của ông bà đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên Tòa án không đề cập.

[5] Tài sản chung: Bà Phan Thị L trình bày yêu cầu tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Ông Triệu Thanh H1 có yêu cầu để làm đơn khởi kiện sau, Tuy nhiên Tòa án đã ra thông báo giao nộp tài liệu, chứng cứ cho ông để làm đơn yêu cầu chia tài sản theo

quy định nhưng ông H1 không làm đơn nên được xem là không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Nếu bà L và ông H1 có tranh chấp về tài sản thì sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác.

[6] Nợ chung: Bà Phan Thị L trình bày không có, ông Triệu Thanh H1 không có ý kiến nên không xem xét.

[7] Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, bà Phan Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị L

Bà Phan Thị L được ly hôn với ông Triệu Thanh H1

2. Về nuôi con chung: 02 con chung là Triệu Bích C, sinh ngày 19/6/2000; Triệu Thị Bích Đ, sinh ngày 30/4/2003. Tất cả đều đã trưởng thành nên không đề cập.

3. Tài sản chung: Bà Phan Thị L trình bày tự thỏa thuận, anh Triệu Thanh H1 không có ý kiến về chia tài sản nên không xem xét giải quyết.

4. Nợ chung: Bà Phan Thị L trình bày không có, ông Triệu Thanh H1 không có ý kiến nên không xem xét.

5. Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, bà Phan Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0002286 ngày 12/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B nên không phải nộp thêm.

Các đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện B (1b);
- Các đương sự (2b);
- UBND xã T1 số (7/2000), (1b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Đình